

Số: ~~3279~~/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ~~13~~ tháng ~~12~~ năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn, giảm học phí kỳ 3 năm 2022 cho sinh viên
khóa 22D hình thức chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 2530/QĐ-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 692/QĐ-ĐHTCM ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy định về chế độ chính sách đối với sinh viên hình thức chính quy;

Căn cứ hồ sơ xin miễn, giảm học phí của sinh viên và Thông báo số 2448/TB-ĐHTCM ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về kết luận của Chủ tịch hội đồng tại cuộc họp xét miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ học phí kỳ 3 năm 2022 cho sinh viên khóa 22D hình thức chính quy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm học phí kỳ 3 năm 2022 cho **34 sinh viên** khóa 22D hình thức chính quy với tổng số tiền là: **234.000.000 đồng** (Hai trăm ba mươi bốn triệu đồng chẵn).

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Nguồn kinh phí chi trả từ ngân sách nhà nước thực hiện chính sách miễn, giảm học phí tại Quyết định số 2530/QĐ-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 và từ Quỹ hỗ trợ sinh viên tại Quyết định số 691/QĐ-ĐHTCM ngày 10 ngày 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing.

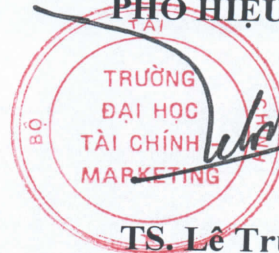
Điều 3. Căn cứ danh sách sinh viên và mức miễn, giảm học phí, Phòng Kế hoạch – Tài chính thực hiện miễn, giảm học phí cho sinh viên theo quy định.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) trưởng các Khoa: Công nghệ Thông tin, Kế toán – Kiểm toán, Kinh tế – Luật, Marketing, Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng, Thẩm định giá – Kinh doanh bất động sản, Thuế – Hải quan, Thương mại; Đoàn thanh niên; các phòng: Công tác sinh viên, Kế hoạch – Tài chính, Thanh tra giáo dục, Quản lý đào tạo, Khảo thí – Quản lý chất lượng và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *u*

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 4;
- Website Trường;
- Lưu: VT, KHTC, CTSV. *u*

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Lê Trung Đạo

BẢNG TỔNG HỢP: MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ KỲ 3 NĂM 2022 CHO SINH VIÊN KHÓA 22D HÌNH THỨC CHÍNH QUY
(Miễn, giảm học phí thực hiện theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ)

STT	Khóa học	Mức học phí 1 năm học	MIỄN 100%		GIẢM 70%		GIẢM 50%		Tổng cộng		Số tiền miễn, giảm (đ)_NĐ 81	Số tiền miễn, giảm (đ)_số chênh lệch HP Nhà trường hỗ trợ		
			Kỳ 3 năm 2022_Tính mức miễn giảm 4 tháng (Học phí 1 năm học/10 tháng*4)											
			SLSV	Mức miễn (đ)	SLSV	Mức giảm (đ)	SLSV	Mức giảm (đ)	SLSV	Số tiền miễn, giảm(đ)				
1	22D	19.500.000	22	7.800.000	10	5.460.000	2	3.900.000	34	234.000.000				
	Cộng:		22		10		2		34	234.000.000	187.325.000	46.675.000		

Ghi chú: Mức miễn giảm Nghị định 81/2021/NĐ-CP

Ghi chú: Mức miễn giảm Nghị định 81/2021/NĐ-CP

STT	Khóa học	Mức học phí 1 năm học	MIỄN 100%		GIẢM 70%		GIẢM 50%		Tổng cộng	
			HK 1-NH:2022-2023							
			SLSV	Mức miễn (đ)	SLSV	Mức giảm (đ)	SLSV	Mức giảm (đ)	SLSV	Số tiền miễn, giảm(đ)
1	Đại học (khối ngành III: kinh doanh và quản lý, pháp luật)	12.500.000	22	6.250.000	9	4.375.000	2	3.125.000	33	183.125.000
2	Đại học (khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường)	12.000.000	0	6.000.000	1	4.200.000	0	3.000.000	1	4.200.000
	Cộng:		22		10		2		34	187.325.000

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 11 năm 2022

TP. CÔNG TÁC SINH VIÊN

ThS. Nguyễn Thanh Hải

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ KỲ 3 NĂM 2022 CHO SINH VIÊN
KHÓA 22D HÌNH THỨC CHÍNH QUY**

(Kèm theo Quyết định số **3279** /QĐ-ĐHTCM ngày **13/12/2022**)

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng được miễn, giảm	Tỷ lệ miễn giảm	Tổng số tiền được miễn, giảm(đ)	Số tiền miễn, giảm (đ)_thực hiện theo Nghị định 81	Số tiền miễn, giảm (đ)_số chênh lệch HP Nhà trường hỗ trợ	Số TK Ngân hàng
I	Khoa Công nghệ thông tin										
1	2221004297	Lê Thị Hoàng	Thảo	23/03/2004	22DHT01	Con thương, bệnh binh	100%	7.800.000	6.250.000	1.550.000	31310001576814
		Cộng:	1		sinh viên			7.800.000	6.250.000	1.550.000	
II	Khoa Kế toán - Kiểm toán										
1	2221003829	Trịnh Thùy	Linh	09/01/2004	22DKT01	Con thương, bệnh binh	100%	7.800.000	6.250.000	1.550.000	31310001582352
		Cộng:	1		sinh viên			7.800.000	6.250.000	1.550.000	
III	Khoa Kinh tế - Luật										
1	2221000276	Thị Mộc	Tùng	03/07/2004	22DEM01	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.460.000	4.200.000	1.260.000	31310001576142
		Cộng:	1		sinh viên			5.460.000	4.200.000	1.260.000	
IV	Khoa Marketing										
1	2221001396	Nguyễn Thị Bé	Tâm	15/11/2004	22DMA01	Người dân tộc, hộ cận nghèo	100%	7.800.000	6.250.000	1.550.000	31310001584871
2	2221004892	Thái Xuân	Hằng	07/03/2004	22DMA04	Sinh viên là người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (Mồ côi cả cha lẫn mẹ)	100%	7.800.000	6.250.000	1.550.000	31310001586567
3	2221001375	Châu Thị Kim	Oanh	08/03/2004	22DMA04	Người dân tộc, hộ nghèo	100%	7.800.000	6.250.000	1.550.000	31310001586309

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng được miễn, giảm	Tỷ lệ miễn giảm	Tổng số tiền được miễn, giảm(đ)	Số tiền miễn, giảm (đ)_thực hiện theo Nghị định 81	Số tiền miễn, giảm (đ)_số chênh lệch HP Nhà trường hỗ trợ	Số TK Ngân hàng
4	2221001397	Nông Thị Mỹ	Tâm	28/04/2004	22DMA04	Người dân tộc, hộ nghèo	100%	7.800.000	6.250.000	1.550.000	31310001586363
5	2221001276	Lương Gia	Hào	13/07/2004	22DMA05	Người dân tộc, hộ cận nghèo	100%	7.800.000	6.250.000	1.550.000	31310001586594
6	2221004899	Sầm Minh	Khoa	26/03/2003	22DMA05	Người dân tộc, hộ nghèo	100%	7.800.000	6.250.000	1.550.000	31310001586804
7	2221001351	Nguyễn Thị Mỹ	Nguyệt	24/01/2004	22DMA05	Người dân tộc, hộ nghèo	100%	7.800.000	6.250.000	1.550.000	31310001586655
8	2221001451	Lý Thanh	Trúc	04/02/2004	22DMA05	Con thương, bệnh binh	100%	7.800.000	6.250.000	1.550.000	31310001586752
9	2221001512	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Bích	18/06/2004	CLC_22DMC01	Con thương, bệnh binh	100%	7.800.000	6.250.000	1.550.000	1032645428
10	2221001626	Hứa Hiền	Linh	08/07/2004	CLC_22DMC01	Con thương, bệnh binh	100%	7.800.000	6.250.000	1.550.000	1032753552
11	2221001875	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	10/03/2004	CLC_22DMC07	Con thương, bệnh binh	100%	7.800.000	6.250.000	1.550.000	1032646744
12	2221001338	Lư Thị Thảo	Ngân	11/12/2004	22DMA01	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.460.000	4.375.000	1.085.000	31310001584765
13	2221001230	Lý Hiền	Ái	09/01/2004	22DMA02	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.460.000	4.375.000	1.085.000	31310001585023
14	2221004904	H' Oanh	Niê	12/10/2003	22DMA03	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.460.000	4.375.000	1.085.000	31310001598696
15	2221004902	Triệu Thị Tuyết	Nhi	01/04/2003	22DMA05	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.460.000	4.375.000	1.085.000	31310001586813
		Cộng:	15		sinh viên			107.640.000	86.250.000	21.390.000	
V	Khoa Quản trị kinh doanh										
1	2221000631	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	05/04/2004	22DQT02	Con thương, bệnh binh	100%	7.800.000	6.250.000	1.550.000	31310001587737
2	2221000353	Hoàng Thế	Anh	10/03/2004	22DQT04	Người dân tộc, hộ cận nghèo	100%	7.800.000	6.250.000	1.550.000	31310001588448

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng được miễn, giảm	Tỷ lệ miễn giảm	Tổng số tiền được miễn, giảm(đ)	Số tiền miễn, giảm (đ)_thực hiện theo Nghị định 81	Số tiền miễn, giảm (đ)_số chênh lệch HP Nhà trường hỗ trợ	Số TK Ngân hàng
3	2221000787	Lý Chí	Uy	02/11/2004	22DQT07	Người dân tộc, hộ nghèo	100%	7.800.000	6.250.000	1.550.000	31310001590300
4	2221000377	Trần Thu	Anh	15/09/2004	22DQT08	Con thương, bệnh binh	100%	7.800.000	6.250.000	1.550.000	31310001590373
5	2221000880	Nguyễn Hồ Công	Đức	06/06/2004	CLC_22DQT02	Con thương, bệnh binh	100%	7.800.000	6.250.000	1.550.000	1032646442
6	2221000651	Diệp Nhật	Phương	24/10/2004	22DQT07	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.460.000	4.375.000	1.085.000	31310001590133
7	2221000741	Trần Thị	Tím	21/10/2004	22DQT07	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.460.000	4.375.000	1.085.000	31310001590258
8	2221000428	Lê Thị Mỹ	Duyên	20/03/2004	22DQT01	Con CBCNV bị tai nạn lao động, mắc bệnh NN	50%	3.900.000	3.125.000	775.000	31310001586938
9	2221000779	Lê Thị Hồng	Tươi	03/02/2004	22DQT09	Con CBCNV bị tai nạn lao động, mắc bệnh NN	50%	3.900.000	3.125.000	775.000	31310001591118
		Cộng:	9		sinh viên			57.720.000	46.250.000	11.470.000	
VI	Khoa Tài chính - Ngân hàng										
1	2221003262	Ngọc Thị Minh	Thư	13/01/2004	22DTC05	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.460.000	4.375.000	1.085.000	31310001595606
		Cộng:	1		sinh viên			5.460.000	4.375.000	1.085.000	
VII	Khoa Thẩm định giá - Kinh doanh bất động sản										
1	2221003331	Quách Xuân	Trúc	28/03/2004	22DTC04	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.460.000	4.375.000	1.085.000	31310001595086
		Cộng:	1		sinh viên			5.460.000	4.375.000	1.085.000	
/III	Khoa Thuế - Hải quan										

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng được miễn, giảm	Tỷ lệ miễn giảm	Tổng số tiền được miễn, giảm(đ)	Số tiền miễn, giảm (đ)_thực hiện theo Nghị định 81	Số tiền miễn, giảm (đ)_số chênh lệch HP Nhà trường hỗ trợ	Số TK Ngân hàng
1	2221003365	Châu Ngọc	Vy	28/04/2004	22DTC01	Người dân tộc, hộ nghèo	100%	7.800.000	6.250.000	1.550.000	31310001593585
2	2221003284	Lê Ngọc Trang	Thy	29/07/2004	22DTC03	Con thương, bệnh binh	100%	7.800.000	6.250.000	1.550.000	31310001594588
		Cộng:	2		sinh viên			15.600.000	12.500.000	3.100.000	
IX	Khoa Thương Mại										
1	2221002321	Trương Văn	Sử	13/02/2004	22DKQ04	Người dân tộc, hộ cận nghèo	100%	7.800.000	6.250.000	1.550.000	31310001581483
2	2221002206	Đỗ Thị Thu	Hiền	20/09/2004	22DKQ05	Con thương, bệnh binh	100%	7.800.000	6.250.000	1.550.000	31310001581809
3	2221002568	Lý Quang	Long	04/01/2004	CLC_22DTM10	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.460.000	4.375.000	1.085.000	1032753982
		Cộng:	3		sinh viên			21.060.000	16.875.000	4.185.000	
		Tổng cộng :	34		sinh viên			234.000.000	187.325.000	46.675.000	

Bằng chữ: Hai trăm ba mươi bốn triệu đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP

TP. CÔNG TÁC SINH VIÊN

TP. KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Thái T. Lan Anh

ThS. Nguyễn Thanh Hải

TS. Hoàng Thái Hưng

TS. Lê Trung Đạo

